

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/DS-ST
Ngày: 13 – 7 – 2023
V/v hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- ***Hội thẩm nhân dân:*** Bà Phan Hoàng Mai – Bà Lê Thị Thanh Vân
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa.***

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2023, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 254/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Hoàng Hà Q, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số 134A/4, tổ 1A, khóm BK, phường BK, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. có đơn xin xét xử vắng mặt

- ***Bị đơn:***

1. Bà Trịnh Kim C, sinh năm 1965; vắng mặt
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1985; có đơn xin vắng mặt

Cùng nơi cư trú: số 82/9, khóm TK, phường MH, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Hoàng Hà Q trình bày:***

Ông và bà C, bà O là chỗ quen biết do thường xuyên làm ăn qua lại, ông

hay cho bà C, bà O vay tiền đáo hạn ngân hàng.

Ngày 30/8/2022, bà C và bà O có vay của ông Q số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn 02 ngày, mục đích đáo hạn ngân hàng, lãi thỏa thuận 0,2%/ngày. Trước khi vay thì ông có yêu cầu bà C và bà O cho thông tin họ tên, căn cước công dân để ông soạn biên nhận nợ, sau khi bà C và bà O ký tên vào biên nhận nợ thì ông chuyển khoản 01 lần vào tài khoản của bà C. Việc vay này không có thể chấp hay gửi tài sản bảo đảm.

Sau đó 02 ngày thì bà C bà O vẫn chưa trả vốn lãi. Vào ngày 28/10/2022 có đóng lãi 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ngày 19/01/2023 có đóng lãi 10.000.000đ (mười triệu đồng), ngoài số tiền lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) này thì bà C, bà O không có trả vốn vay dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Do đó nay ông khởi kiện yêu cầu bà C và bà O cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/8/2022 cho đến khi xét xử vụ án. Ông đồng ý khấu trừ tiền lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đã đóng. Về sự việc có 02 biên nhận ngày 30/8/2022, ông có ý kiến như sau: khi vay là bà C và Oanh cùng vay của ông, nhưng khi làm biên nhận lần đầu không có mặt Oanh nên biên nhận chỉ có một mình bà C ký, sau đó khi Oanh có mặt, ông đã làm lại biên nhận nợ mới cùng ngày 30/8/2022 để bà C và bà O ký tên vào biên nhận. Ông xác định việc vay này là cả bà C và bà O cùng vay do đó cả 02 cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông.

Để tạo điều kiện của bà C, bà O trả nợ, ông đồng ý cho thời gian 01 tháng, trong vòng 01 tháng mà bà C, bà O trả nợ cho ông thì ông rút đơn khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án. Ông đã cho thời gian để trả nợ tuy nhiên cho đến nay bà C và bà O vẫn không thực hiện việc trả nợ cho ông.

Theo đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 11/7/2023:

Ông yêu cầu bà C và bà O cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/8/2022 cho đến khi xét xử vụ án, theo đó lãi suất thỏa thuận là 0,2%/ngày nhưng nay ông đồng ý điều chỉnh mức lãi suất về 20%/năm trong thời hạn vay (là 02 ngày theo hợp đồng vay) và mức lãi suất $150\% \times 20\% = 30\%$ /năm đối với nợ quá hạn tính từ ngày quá hạn cho đến ngày xét xử. Ông đồng ý khấu trừ tiền lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) đã đóng.

Án phí dân sự: theo quy định pháp luật.

- Bị đơn bà Trịnh Kim C trình bày trong quá trình giải quyết:

Vào ngày 30/8/2022, bà có vay của ông Q số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) vay để đáo hạn, lãi suất 0.2%/ngày, vay với tư cách cá nhân bà, không liên quan đến Oanh. Khi vay vào ngày 30/8/2022, sau khi nhận đủ tiền thì có lập thành biên nhận có chữ ký của một mình bà.

Sau đó khoảng vài tuần thì ông Q có đến yêu cầu ký vào biên nhận mới và biên nhận mới này có ghi thêm bà O vào biên nhận và ông Q yêu cầu Oanh ký vào biên nhận. Lúc ký vào biên nhận mới, bà không để ý, bà chỉ nghĩ là Oanh ký để xác nhận, không phải ký với tư cách vay nên bà mới đồng ý ký tên và cho Oanh ký tên vào biên nhận.

Biên nhận cũ thì ông Q xé bỏ và hiện bà còn lưu giữ lại. Sau đó do không xoay vòng vốn được nên bà chưa trả vốn lãi được, chỉ mới đóng lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) như ông Q trình bày.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông Q thì bà đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/8/2022 cho đến khi xét xử vụ án. Bà không đồng ý việc yêu cầu nghĩa vụ liên đới của Nguyễn Thị Ngọc O.

Án phí dân sự: giải quyết theo quy định pháp luật.

- Theo đơn tường trình và xin vắng mặt ngày 22/5/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc O trình bày:

Biên nhận nợ bà Trịnh Kim C có vay tiền của ông Q ba trăm triệu đồng và bà là người chứng kiến là đúng sự thật. Bản thân bà không có vay tiền của ông Q nên bà không có nghĩa vụ liên đới trong biên nhận này. Đồng thời bà xin vắng mặt trong các phiên tòa cho đến khi kết thúc vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Hoàng Hà Q khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với bà C, bà O có địa chỉ cư trú tại thành phố Long Xuyên nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng:* Các đương sự đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng ông Q và bà O có đơn xin vắng mặt, riêng bà C vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q, bà O, bà C là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Ông Q khởi kiện bà C, bà O về hợp đồng vay tài sản theo biên nhận nợ ngày 30/8/2022, bà yêu cầu bà C và bà O cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 30/8/2022. Bà C thừa nhận và đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền lãi, tuy nhiên bà C và bà O không đồng ý về nghĩa vụ liên đới của bà O.

[2.2] Theo biên nhận nợ ngày 30/8/2022 cùng lời thừa nhận của bà C, có đủ cơ sở để xác định bà C có vay của ông Q số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Giao dịch này tự nguyện và phù hợp với qui định pháp luật do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đối với hợp đồng vay tài sản theo Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Theo đó, thời hạn trả của hợp đồng vay là 02 ngày và lãi suất là 0,2%/ngày, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi suất, tuy nhiên cho đến nay ông Q và bà C xác định bà C chỉ đóng lãi 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), chưa trả vốn vay. Xét thấy, cho đến nay bà C vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với hợp đồng vay do đó căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc bà C có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền vốn vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

[2.3] Về tiền lãi: Ông Q yêu cầu tính lãi suất 20%/năm trong thời hạn của hợp đồng vay và 30%/năm từ ngày quá hạn cho đến ngày xét xử và đồng ý khấu trừ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tiền lãi đã nhận. Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất hai bên thỏa thuận 0,2%/ngày (tương đương 73%/năm) theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, phần lãi suất vượt quá 20%/năm không có hiệu lực, do đó cần điều chỉnh lại mức lãi suất 20%/năm đối với thời gian trong kỳ hạn hợp đồng vay. Hợp đồng có thời hạn vay là 02 ngày tính từ ngày 30/8/2022, như vậy từ ngày 02/9/2022 là đã quá hạn hợp đồng vay do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q về yêu cầu tính lãi, cụ thể:

- Tiền lãi trong hạn đối với số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) từ ngày 30/8/2022 đến ngày 01/9/2022:

$300.000.000đ \times 20\%/năm \times 02 \text{ ngày} = 329.000đ$ (ba trăm hai mươi chín ngàn đồng)

- Tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc quá hạn 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) từ ngày 02/9/2022 đến ngày 28/10/2022 (ngày trả 20.000.000đ):

$300.000.000đ \times 30\%/năm \times 56 \text{ ngày} = 13.808.000đ$ (mười ba triệu, tám trăm lẻ tám ngàn đồng)

Tổng số tiền nợ đến ngày 28/10/2022: $300.000.000đ + 329.000đ + 13.808.000đ = 314.137.000đ$, sau khi khấu trừ số tiền 20.000.000đ thì còn nợ lại: $314.137.000đ - 20.000.000đ = 294.137.000đ$ (hai trăm chín mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn đồng)

Tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc quá hạn 294.137.000đ từ ngày 29/10/2022 đến ngày 19/01/2023 (ngày trả 10.000.000đ):

$294.137.000đ \times 30\%/năm \times 83 \text{ ngày} = 20.066.000đ$ (hai mươi triệu, không trăm lẻ sáu mươi sáu ngàn đồng)

Tổng số tiền nợ đến ngày 19/01/2023: nợ gốc quá hạn 294.137.000đ và nợ lãi 20.066.000đ, khấu trừ số tiền 10.000.000đ thì còn lại: nợ gốc 294.137.000đ, tiền lãi 10.066.000đ.

Tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc quá hạn 294.137.000đ từ ngày 20/01/2023 đến ngày 13/7/2023:

$294.137.000đ \times 30\%/năm \times 175 \text{ ngày} = 42.307.000đ$ (bốn mươi hai triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn đồng)

Như vậy, tổng số tiền bà C có nghĩa vụ trả cho ông Q: $294.137.000đ + 42.307.000đ + 10.066.000đ = 346.510.000đ$ (ba trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười ngàn đồng)

[2.4] Về nghĩa vụ liên đới của bà O: Hội đồng xét xử xét thấy tuy nội dung biên nhận có ghi đầy đủ thông tin họ tên, năm sinh, số căn cước công dân và địa chỉ của bà O nhưng cuối biên nhận tại vị trí người vay chỉ có chữ ký của bà C, phía bên trái biên nhận bà O ký tên và ghi nội dung “*Tôi có chứng kiến mẹ tôi mượn 300 triệu đồng*” như vậy bà O ký tên với vai trò là người chứng kiến, không phải người vay. Nay ông Q cho rằng bà C và bà O cùng vay nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được sự thừa nhận của bà O, bà C do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà O cùng có nghĩa vụ liên đới với bà C trả nợ cho ông.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q được chấp nhận do đó ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Q tạm ứng án phí đã nộp. Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Hà Q.

Bà Trịnh Kim C có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Hà Q số tiền 346.510.000đ (ba trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm mười ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay: 294.137.000đ (hai trăm chín mươi bốn triệu, một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) và tiền lãi: 52.373.000đ (năm mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về nghĩa vụ liên đới của bà Nguyễn Thị Ngọc O.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Kim C phải chịu 17.325.500đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Hoàng Hà Q số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001448 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Ông Hoàng Hà Q, bà Trịnh Kim C, bà Nguyễn Thị Ngọc O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương